

Giấu Trần Nối Ống Gió Dạng Mỏng (Nhỏ Gọn)

Dàn Lạnh VRV

FXDQ-SP

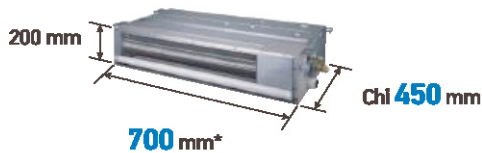
Thiết kế mỏng và nhỏ gọn giúp việc lắp đặt dễ dàng và linh hoạt



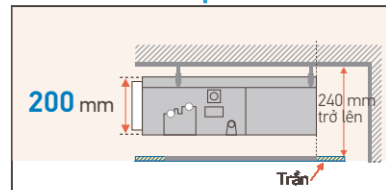
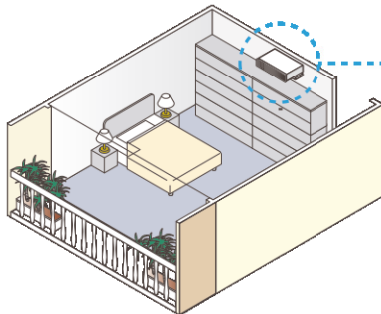
Installation flexibility

- Thiết kế mỏng và nhỏ gọn với chiều cao chỉ 200 mm và độ dày chỉ 450 mm, phù hợp lắp đặt ở những không gian hạn chế.

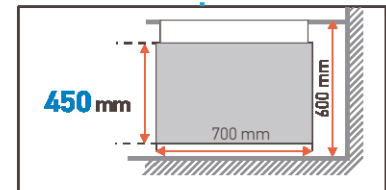
Hoàn hảo cho nhà ở!



*Đối với model FXDQ20-32SP



Hình chiếu cạnh



Hình chiếu bằng

- Bơm nước xả được trang bị như một phụ kiện tiêu chuẩn với độ nâng 750 mm

Thông số kỹ thuật

MODEL		FXDQ20SPV1	FXDQ25SPV1	FXDQ32SPV1	FXDQ40SPV1	FXDQ50SPV1	FXDQ63SPV1
Nguồn điện		1 pha, 220-240 V, 50 Hz					
Công suất lạnh	Btu/h	7,500	9,600	12,300	15,400	19,100	24,200
	kW	2.2	2.8	3.6	4.5	5.6	7.1
Công suất sưởi	Btu/h	8,500	10,900	13,600	17,100	21,500	27,300
	kW	2.5	3.2	4.0	5.0	6.3	8.0
Điện năng tiêu thụ ¹	Làm lạnh	kW	0.072	0.075	0.078	0.180	0.196
	Sưởi	kW	0.056	0.059	0.062	0.152	0.168
Vỏ máy		Thép mạ kẽm					
Lưu lượng gió (Cao/Trung bình/Thấp)	m³/phút	8.7/7.6/6.5	9.0/8.0/7.0	10.0/9.0/8.0	15.0/13.0/10.5	20.0/16.0/12.5	
	cfm	307/268/229	318/282/247	353/318/282	530/459/371	706/565/441	
Áp suất tĩnh ngoài		30-10 ²					
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp) ^{1,3}		33/31/29		34/32/30	35/33/31	37/35/33	
Kích thước (C×R×D)		200×700×450			200×900×450	200×1,100×450	
Trọng lượng		17			20	23	
Ống kết nối	Lỏng (Loe)	φ 6.4					φ 9.5
	Hơi (Loe)	φ 12.7					φ 15.9
	Nước xả	VP20 (Đường kính ngoài 26/Đường kính trong 20)					

Ghi chú: Điều kiện thử nghiệm và xác định các thông số hoạt động của hệ thống tuân theo tiêu chuẩn ISO15042 về xác định các thông số hoạt động của hệ thống điều hòa trung tâm. Các thông số kỹ thuật được dựa trên những điều kiện sau:

- Làm lạnh: Nhiệt độ bên trong 27°CDB, 19.0°CWB, Nhiệt độ bên ngoài 35°CDB, Ống dẫn môi chất chiều dài tương đương: 7.5m, Chênh lệch độ cao: 0m.
- Sưởi: Nhiệt độ bên trong 20°CDB, Nhiệt độ bên ngoài 7°CDB, 6°CWB, Ống dẫn môi chất chiều dài tương đương: 7.5m, Chênh lệch độ cao: 0m.
- Công suất dàn lạnh chỉ để tham khảo. Công suất thực tế của dàn lạnh dựa trên tổng công suất danh định. (Xem thêm tài liệu Kỹ thuật để biết chi tiết.)
- Độ ồn: Giá trị quy đổi trong điều kiện, phòng không dội âm. Vị trí đo phía dưới cách trung tâm máy 1.5m.

Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường hơi cao hơn do điều kiện môi trường xung quanh.

¹: Giá trị dựa trên các điều kiện sau: FXDQ20-32SP: Áp suất tĩnh ngoài 10 Pa; FXDQ40-63SP: Áp suất tĩnh ngoài 20 Pa

²: Áp suất tĩnh ngoài có thể thay đổi bằng cách cài đặt trên điều khiển từ xa, áp suất này nghĩa là "Áp suất tĩnh cao - Tiêu chuẩn". (Cài đặt tại nhà máy là 10 Pa đối với model FXDQ20-32SP và 20 Pa đối với FXDQ40-63SP)

³: Chỉ số độ ồn đưa ra trên đây dùng cho trường hợp hồi phía sau. Trong trường hợp hồi dưới đây có thể tính toán được bằng cách cộng thêm 5dB (A).